| STT | Nhóm tiêu chí | Mã tiêu chí | Tiêu chí nhỏ | Chi tiết yêu cầu chấm | Tham chiếu Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật | Điểm tối đa | Điểm chấm (%) | Điểm quy đổi | Bằng chứng trong đề xuất | Nhận xét |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | **A. Hiểu biết yêu cầu và phạm vi** | A1 | Hiểu mục tiêu tổng quát của dự án | Nêu đúng mục tiêu xây dựng Sàn giao dịch việc làm trực tuyến, vai trò hỗ trợ NLĐ, DN, CSĐT và quản lý nhà nước | MỤC TIÊU, NỘI DUNG, QUY MÔ ĐẦU TƯ | 1.5 | | 0.0 | | |
| 2 | **A. Hiểu biết yêu cầu và phạm vi** | A2 | Hiểu mục tiêu cụ thể của hệ thống | Nêu đúng các mục tiêu cụ thể: nền tảng thông tin việc làm, kết nối tuyển dụng, minh bạch tuyển dụng, AI Chatbot hỗ trợ hỏi đáp, hỗ trợ đào tạo phát triển nghề nghiệp | MỤC TIÊU, NỘI DUNG, QUY MÔ ĐẦU TƯ | 1.5 | | 0.0 | | |
| 3 | **A. Hiểu biết yêu cầu và phạm vi** | A3 | Hiểu phạm vi đầu tư và các cấu phần chính | Nhận diện đầy đủ các cấu phần: Sàn GDVL trực tuyến, xây dựng mới Cổng thông tin việc làm, thuê máy chủ ảo, đào tạo sử dụng hệ thống | MỤC TIÊU, NỘI DUNG, QUY MÔ ĐẦU TƯ | 1.0 | | 0.0 | | |
| 4 | **A. Hiểu biết yêu cầu và phạm vi** | A4 | Hiểu đúng đối tượng sử dụng | Phân tích đúng nhu cầu và vai trò của NLĐ, nhà tuyển dụng, cơ sở đào tạo, cán bộ quản lý sàn, lãnh đạo đơn vị, cán bộ quản trị | Mô tả yêu cầu kỹ thuật cần đáp ứng của phần mềm nội bộ / Các đối tượng tham gia vào quy trình nghiệp vụ | 1.0 | | 0.0 | | |
| 5 | **B. Tuân thủ khung kiến trúc, tiêu chuẩn và tích hợp** | B1 | Tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam 3.0 | Nêu rõ cách đáp ứng/đối chiếu Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam. | ĐÁNH GIÁ SỰ TUÂN THỦ KHUNG KIẾN TRÚC... > Quyết định 2568/QĐ-BTTTT | 1.0 | | 0.0 | | |
| 6 | **B. Tuân thủ khung kiến trúc, tiêu chuẩn và tích hợp** | B2 | Tuân thủ Khung kiến trúc 2.0 của thành phố Cần Thơ | Nêu rõ cách đáp ứng/đối chiếu Khung kiến trúc của thành phố Cần Thơ. | ĐÁNH GIÁ SỰ TUÂN THỦ KHUNG KIẾN TRÚC... > Quyết định 248/QĐ-UBND | 1.0 | | 0.0 | | |
| 7 | **B. Tuân thủ khung kiến trúc, tiêu chuẩn và tích hợp** | B3 | Tuân thủ tiêu chuẩn kết nối | Đề xuất phải viện dẫn và áp dụng các chuẩn kết nối phù hợp (HTTP/HTTPS, REST/SOAP, TCP/IP, IPv6...). | THIẾT KẾ CHI TIẾT > Các tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng > Tiêu chuẩn về kết nối | 0.5 | | 0.0 | | |
| 8 | **B. Tuân thủ khung kiến trúc, tiêu chuẩn và tích hợp** | B4 | Tuân thủ tiêu chuẩn tích hợp dữ liệu | Đề xuất có cấu trúc trao đổi dữ liệu XML/JSON/UTF-8 và mô hình hóa phù hợp. | THIẾT KẾ CHI TIẾT > Các tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng > Tiêu chuẩn về tích hợp dữ liệu | 0.5 | | 0.0 | | |
| 9 | **B. Tuân thủ khung kiến trúc, tiêu chuẩn và tích hợp** | B5 | Tuân thủ tiêu chuẩn truy cập thông tin | Phải phản ánh HTML/CSS/Unicode, định dạng tài liệu, bảng tính, trình diễn, nội dung di động. | THIẾT KẾ CHI TIẾT > Các tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng > Tiêu chuẩn về truy cập thông tin | 0.5 | | 0.0 | | |
| 10 | **B. Tuân thủ khung kiến trúc, tiêu chuẩn và tích hợp** | B6 | Tuân thủ tiêu chuẩn an toàn thông tin | Phải phản ánh đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật ATTT trong danh mục tiêu chuẩn. | THIẾT KẾ CHI TIẾT > Các tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng > Tiêu chuẩn về an toàn thông tin | 0.5 | | 0.0 | | |
| 11 | **B. Tuân thủ khung kiến trúc, tiêu chuẩn và tích hợp** | B7 | Kết nối/xây lại Cổng thông tin việc làm Cần Thơ | Giải pháp phải phản ánh đúng yêu cầu hiện trạng là xây dựng lại Cổng TTVL theo nguyên mẫu và liên thông với Sàn. | Yêu cầu kết nối với Cổng thông tin việc làm Cần Thơ; Giải thích mô hình kết nối | 1.5 | | 0.0 | | |
| 12 | **B. Tuân thủ khung kiến trúc, tiêu chuẩn và tích hợp** | B8 | Tích hợp Can Tho Smart | Nêu rõ phương án tích hợp các nội dung tìm việc, tìm lao động, tìm khóa học, hỏi đáp & hỗ trợ. | Yêu cầu tích hợp vào ứng dụng Can Tho Smart | 1.0 | | 0.0 | | |
| 13 | **B. Tuân thủ khung kiến trúc, tiêu chuẩn và tích hợp** | B9 | Tích hợp tính năng trợ lý ảo | Nêu rõ phương án tích hợp tính năng trợ lý ảo (AI) tận dụng các công cụ Gen AI miễn phí (ChatGPT, Gemini, Claude, ...) hỗ trợ cho người lao động và doanh nghiệp các câu hỏi thường gặp. | Yêu cầu tích hợp tính năng trợ lý ảo | 1.0 | | 0.0 | | |
| 14 | **B. Tuân thủ khung kiến trúc, tiêu chuẩn và tích hợp** | B10 | Tích hợp chữ ký số | Nêu rõ phương án tích hợp chữ ký số cho người lao động và doanh nghiệp. | Yêu cầu tích hợp chữ ký số | 1.0 | | 0.0 | | |
| 15 | **B. Tuân thủ khung kiến trúc, tiêu chuẩn và tích hợp** | B11 | Đồng bộ CSDL hiện có | Phản ánh nhập/đồng bộ dữ liệu từ vieclamcantho.vn, BHTN, cổng thông tin quốc gia và các nguồn liên quan. | Import các cơ sở dữ liệu hiện có...; Yêu cầu cần đáp ứng đối với cơ sở dữ liệu | 1.0 | | 0.0 | | |
| 16 | **C. Giải pháp công nghệ, kiến trúc và mô hình triển khai** | C1 | Đánh giá và lựa chọn công nghệ phù hợp | Cho thấy có phân tích công nghệ, không chỉ nêu stack; bám yêu cầu quen thuộc, dễ vận hành, phù hợp Việt Nam. | TÓM TẮT NHIỆM VỤ THIẾT KẾ > Nhiệm vụ thiết kế; PHÂN TÍCH, LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN... | 1.0 | | 0.0 | | |
| 17 | **C. Giải pháp công nghệ, kiến trúc và mô hình triển khai** | C2 | Phân tích so sánh giải pháp Web | Có so sánh/biện minh giữa Microsoft, IBM, Oracle, mã nguồn mở theo nhu cầu dự án. | PHÂN TÍCH, LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN... > 1. Đối với phân hệ Webpage... | 0.5 | | 0.0 | | |
| 18 | **C. Giải pháp công nghệ, kiến trúc và mô hình triển khai** | C3 | Phân tích so sánh giải pháp Mobile | Có biện minh giữa Native, React Native, Flutter, Xamarin, Ionic, PWA, Hybrid. | PHÂN TÍCH, LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN... > 2. Đối với Ứng dụng mobile Application... | 0.5 | | 0.0 | | |
| 19 | **C. Giải pháp công nghệ, kiến trúc và mô hình triển khai** | C4 | Lựa chọn công nghệ web phù hợp | Phù hợp định hướng nguồn mở/Python/PostgreSQL hoặc giải pháp tương đương có giải trình rõ. | PHÂN TÍCH, LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN... > 3.2. Lựa chọn công nghệ phát triển phần mềm | 0.5 | | 0.0 | | |
| 20 | **C. Giải pháp công nghệ, kiến trúc và mô hình triển khai** | C5 | Lựa chọn công nghệ mobile phù hợp | Phù hợp định hướng Flutter hoặc giải pháp tương đương có chứng minh lợi thế. | PHÂN TÍCH, LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN... > 3.2. Lựa chọn công nghệ phát triển phần mềm | 0.5 | | 0.0 | | |
| 21 | **C. Giải pháp công nghệ, kiến trúc và mô hình triển khai** | C6 | Kiến trúc hệ thống tổng thể | Có mô hình tổng thể rõ ràng cho Cổng + Sàn + Mobile + API + AI + dữ liệu. | Mô hình triển khai; Giải thích mô hình | 1.0 | | 0.0 | | |
| 22 | **C. Giải pháp công nghệ, kiến trúc và mô hình triển khai** | C7 | Thiết kế hạ tầng máy chủ | Đề xuất phản ánh web server, database server, firewall, backup và khả năng mở rộng tài nguyên. | Mô hình triển khai > Yêu cầu Server | 1.0 | | 0.0 | | |
| 23 | **C. Giải pháp công nghệ, kiến trúc và mô hình triển khai** | C8 | Thiết kế cơ sở dữ liệu | Nêu rõ mô hình dữ liệu tập trung, full text search, lưu trữ nhiều định dạng và đồng bộ dữ liệu. | Yêu cầu cần đáp ứng đối với cơ sở dữ liệu | 1.0 | | 0.0 | | |
| 24 | **C. Giải pháp công nghệ, kiến trúc và mô hình triển khai** | C9 | Khả năng mở rộng và chuyển đổi môi trường | Cho thấy thiết kế dễ cài đặt, dễ chuyển đổi, dễ mở rộng chịu tải và chỉnh sửa tương lai. | Các yêu cầu phi chức năng khác > Yêu cầu về độ phức tạp kỹ thuật-công nghệ của phần mềm | 0.5 | | 0.0 | | |
| 25 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D1 | NLĐ - Thông báo | Cho phép người lao động xem danh sách thông báo và xem chi tiết từng thông báo liên quan đến ứng tuyển, phản hồi nhà tuyển dụng, thông báo hệ thống, lịch phỏng vấn. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / I. Phân hệ dành cho người lao động / 1. Thông báo | 0.5 | | 0.0 | | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 26 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D2 | NLĐ - Đăng ký, đăng nhập, đăng xuất | Cho phép người lao động đăng ký, đăng nhập, đăng xuất; hỗ trợ lấy lại tài khoản qua email/số điện thoại OTP, đăng nhập SSO (Zalo/Gmail/MS365) và các chức năng liên quan theo yêu cầu KTKT. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / I. Phân hệ dành cho người lao động / 2. Đăng ký, đăng nhập, đăng xuất | 0.5 | | 0.0 | | |
| 27 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D3 | NLĐ - Tin đã ứng tuyển | Hiển thị danh sách và chi tiết tin đã ứng tuyển; theo dõi trạng thái; sắp xếp, lọc; liên hệ nhà tuyển dụng; rút hồ sơ; xem phản hồi; ứng tuyển lại; chia sẻ; yêu thích; gợi ý tin liên quan/phù hợp. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / I. Phân hệ dành cho người lao động / 3. Tin đã ứng tuyển | 1.0 | | 0.0 | | |
| 28 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D4 | NLĐ - Trang chủ | Cung cấp trang chủ với tìm kiếm việc làm, slide/banner, khởi tạo CV, gợi ý ngành nghề/tin tuyển dụng, nhà tuyển dụng nổi bật, cơ sở đào tạo, tin tức, video, liên hệ, quy chế hoạt động và nội dung cá nhân hóa cho NLĐ. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / I. Phân hệ dành cho người lao động / 4. Trang chủ | 0.5 | | 0.0 | | |
| 29 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D5 | NLĐ - Nhà tuyển dụng | Cho phép xem chi tiết nhà tuyển dụng, lưu yêu thích, nhắn tin/liên hệ, nộp hồ sơ ứng tuyển và tố cáo/báo cáo nhà tuyển dụng vi phạm. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / I. Phân hệ dành cho người lao động / 5. Nhà tuyển dụng | 1.0 | | 0.0 | | |
| 30 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D6 | NLĐ - Quản lý CV | Cho phép xem danh sách CV, xem chi tiết, thêm mới, sửa, xóa, lưu nháp, đặt CV mặc định, bật/tắt hiển thị CV và quản lý trạng thái tìm việc. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / I. Phân hệ dành cho người lao động / 6. Quản lý CV | 1.0 | | 0.0 | | |
| 31 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D7 | NLĐ - Phỏng vấn online | Cho phép xem/lọc lịch phỏng vấn, chấp nhận hoặc từ chối lịch, tham gia phỏng vấn trực tuyến, dùng camera/micro/chia sẻ màn hình/chat, ghi hình, transcript và tóm tắt theo yêu cầu. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / I. Phân hệ dành cho người lao động / 7. Phỏng vấn online | 2.0 | | 0.0 | | |
| 32 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D8 | NLĐ - Quản lý tài khoản | Cho phép người lao động thay đổi thông tin tài khoản, thay đổi mật khẩu, lấy lại mật khẩu và hủy/xóa tài khoản theo quy định. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / I. Phân hệ dành cho người lao động / 8. Quản lý tài khoản | 0.5 | | 0.0 | | |
| 33 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D9 | Nhà tuyển dụng - Thông báo | Cho phép nhà tuyển dụng xem danh sách thông báo và chi tiết thông báo về hồ sơ ứng tuyển mới, lịch phỏng vấn, tương tác với ứng viên và nhắc nhở dịch vụ. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / II. Phân hệ dành cho Nhà tuyển dụng / 1. Thông báo | 0.5 | | 0.0 | | |
| 34 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D10 | Nhà tuyển dụng - Đăng ký, đăng nhập, đăng xuất | Cho phép nhà tuyển dụng đăng ký, đăng nhập, đăng xuất; hỗ trợ OTP, SSO, xóa tài khoản và các chức năng liên quan theo yêu cầu KTKT. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / II. Phân hệ dành cho Nhà tuyển dụng / 2. Đăng ký, đăng nhập, đăng xuất | 0.5 | | 0.0 | | |
| 35 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D11 | Nhà tuyển dụng - Đăng ký gói dịch vụ đăng tin | Cho phép xem, chọn, thay đổi, thanh toán, quản lý và hủy gói cước đăng tin tuyển dụng. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / II. Phân hệ dành cho Nhà tuyển dụng / 3. Đăng ký gói dịch vụ đăng tin | 0.5 | | 0.0 | | |
| 36 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D12 | Nhà tuyển dụng - Đăng tin tuyển dụng | Cho phép đăng tin tuyển dụng với đầy đủ thông tin vị trí, mô tả, yêu cầu, mức lương, địa điểm và thời gian ứng tuyển; xem lại và tìm kiếm tin đã đăng. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / II. Phân hệ dành cho Nhà tuyển dụng / 4. Đăng tin tuyển dụng | 0.5 | | 0.0 | | |
| 37 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D13 | Nhà tuyển dụng - Quản lý tin tuyển dụng | Cho phép xem lượt xem, số lượng hồ sơ ứng viên, chỉnh sửa, xóa hoặc tạm dừng tin tuyển dụng. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / II. Phân hệ dành cho Nhà tuyển dụng / 5. Quản lý tin tuyển dụng | 0.5 | | 0.0 | | |
| 38 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D14 | Nhà tuyển dụng - Tương tác với ứng viên | Cho phép xem và quản lý danh sách ứng viên ứng tuyển; gửi và nhận tin nhắn/email trực tiếp với ứng viên. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / II. Phân hệ dành cho Nhà tuyển dụng / 6. Tương tác với ứng viên | 0.5 | | 0.0 | | |
| 39 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D15 | Nhà tuyển dụng - Quản lý hồ sơ ứng viên | Cho phép xem danh sách hồ sơ ứng viên, xem/lưu thông tin chi tiết và chọn hoặc loại hồ sơ. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / II. Phân hệ dành cho Nhà tuyển dụng / 7. Quản lý hồ sơ ứng viên | 0.5 | | 0.0 | | |
| 40 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D16 | Nhà tuyển dụng - Tìm kiếm và lọc ứng viên | Cho phép tìm kiếm, lọc và xem danh sách hồ sơ ứng viên theo ngành nghề, kỹ năng, kinh nghiệm và các tiêu chí khác. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / II. Phân hệ dành cho Nhà tuyển dụng / 8. Tìm kiếm và lọc ứng viên | 0.5 | | 0.0 | | |
| 41 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D17 | Nhà tuyển dụng - Gửi thông báo và cập nhật | Cho phép gửi thông báo trạng thái ứng tuyển, xác nhận nhận CV và các cập nhật khác qua email hoặc hệ thống. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / II. Phân hệ dành cho Nhà tuyển dụng / 9. Gửi Thông báo và cập nhật | 0.5 | | 0.0 | | |
| 42 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D18 | Nhà tuyển dụng - Tạo lịch phỏng vấn online | Cho phép chọn vị trí, thời gian, phương thức phỏng vấn; gửi lời mời; xác nhận; nhắc nhở; quản lý lịch và ghi chú hồ sơ ứng viên. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / II. Phân hệ dành cho Nhà tuyển dụng / 10. Tạo lịch phỏng vấn online | 1.0 | | 0.0 | | |
| 43 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D19 | Nhà tuyển dụng - Phỏng vấn online | Cho phép tham gia và điều hành phỏng vấn trực tuyến với đầy đủ chức năng họp, camera, micro, chia sẻ màn hình, whiteboard, chat, danh sách người tham gia và kết thúc cuộc họp. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / II. Phân hệ dành cho Nhà tuyển dụng / 11. Phỏng vấn online | 2.0 | | 0.0 | | |
| 44 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D20 | Nhà tuyển dụng - Thống kê và báo cáo | Cho phép xem số liệu thống kê về hoạt động tuyển dụng, ứng viên, hiệu suất, công việc đã đăng và tạo báo cáo hoạt động tuyển dụng. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / II. Phân hệ dành cho Nhà tuyển dụng / 12. Thống kê và báo cáo | 1.0 | | 0.0 | | |
| 45 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D21 | Quản trị sàn - Thông báo | Cho phép quản trị viên/cán bộ quản lý sàn xem danh sách thông báo và chi tiết thông báo trong hệ thống. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / III. Phân hệ quản trị sàn giao dịch / 1. Thông báo | 0.5 | | 0.0 | | |
| 46 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D22 | Quản trị sàn - Quản lý CV ứng viên | Cho phép xem, tìm kiếm, xem chi tiết, phê duyệt, xóa, đánh giá, thống kê CV và phân quyền truy cập CV; cài đặt thời hạn trạng thái tìm việc. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / III. Phân hệ quản trị sàn giao dịch / 2. Quản lý CV ứng viên | 0.5 | | 0.0 | | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 47 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D23 | Quản trị sàn - Quản lý người lao động | Cho phép xem, sửa, xóa, duyệt hồ sơ NLĐ; gửi thông báo; thống kê, báo cáo và phân quyền truy cập. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / III. Phân hệ quản trị sàn giao dịch / 3. Quản lý người lao động | 0.5 | | 0.0 | | |
| 48 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D24 | Quản trị sàn - Quản lý nhà tuyển dụng | Cho phép xem, sửa, xóa, duyệt tài khoản nhà tuyển dụng; tạo/quản lý tin tuyển dụng; thống kê, báo cáo và phân quyền. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / III. Phân hệ quản trị sàn giao dịch / 4. Quản lý Nhà tuyển dụng | 0.5 | | 0.0 | | |
| 49 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D25 | Quản trị sàn - Quản lý lịch phỏng vấn online | Cho phép xem, chỉnh sửa, xóa, duyệt lịch phỏng vấn; tạo phòng họp; thống kê, báo cáo và gửi nhắc nhở. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / III. Phân hệ quản trị sàn giao dịch / 5. Quản lý lịch phỏng vấn online | 1.0 | | 0.0 | | |
| 50 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D26 | Quản trị sàn - Phỏng vấn | Cho phép tham gia, bắt đầu và kết thúc phỏng vấn online với vai trò cán bộ quản lý sàn. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / III. Phân hệ quản trị sàn giao dịch / 6. Phỏng vấn | 1.0 | | 0.0 | | |
| 51 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D27 | Quản trị sàn - Phiên giao dịch việc làm cấp khu vực | Cho phép tạo nhiều phòng phỏng vấn trực tuyến, cấp quyền cho nhà tuyển dụng, gửi link, sửa/xóa phòng, giới hạn thời gian và thống kê lượt tham gia/kết nối. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / III. Phân hệ quản trị sàn giao dịch / 7. Phiên giao dịch việc làm cấp khu vực | 1.0 | | 0.0 | | |
| 52 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D28 | Quản trị sàn - Quản trị gửi đề nghị CV | Cho phép xem danh sách, xem chi tiết, chuyển trạng thái, chia sẻ, tải CV, lọc danh sách và xuất báo cáo về các đề nghị CV do nhà tuyển dụng gửi. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / III. Phân hệ quản trị sàn giao dịch / 8. Quản trị Gửi đề nghị CV từ Nhà tuyển dụng đến Người lao động | 1.0 | | 0.0 | | |
| 53 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D29 | Quản trị sàn - Quản trị chức năng từ chối CV | Cho phép xem danh sách CV bị từ chối, xem chi tiết, chuyển trạng thái, chia sẻ, tải CV, lọc danh sách và xuất báo cáo. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / III. Phân hệ quản trị sàn giao dịch / 9. Quản trị chức năng từ chối CV | 1.0 | | 0.0 | | |
| 54 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D30 | Quản trị sàn - Báo cáo thống kê tuyển dụng | Cho phép thống kê số lượng tin tuyển dụng, vị trí/ngành nghề phổ biến, hiệu suất tin, nguồn tuyển dụng, tiến độ tuyển dụng và xuất báo cáo theo biểu mẫu quy định. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / III. Phân hệ quản trị sàn giao dịch / 10. Báo cáo thống kê tuyển dụng | 1.0 | | 0.0 | | |
| 55 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D31 | Quản trị sàn - Báo cáo Tin tuyển dụng | Cho phép xem danh sách/chi tiết tin tuyển dụng, thống kê ứng tuyển, hiệu suất tin, nguồn tuyển dụng, tiến độ tuyển dụng và xuất/in báo cáo. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / III. Phân hệ quản trị sàn giao dịch / 11. Báo cáo Tin tuyển dụng | 0.5 | | 0.0 | | |
| 56 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D32 | Quản trị sàn - Báo cáo ứng viên | Cho phép xem danh sách ứng viên, thống kê số lượng/hoạt động/hiệu suất, ngành nghề phổ biến, tương tác với nhà tuyển dụng và xuất/in báo cáo. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / III. Phân hệ quản trị sàn giao dịch / 12. Báo cáo ứng viên | 0.5 | | 0.0 | | |
| 57 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D33 | Quản trị sàn - Báo cáo nhà tuyển dụng | Cho phép xem danh sách nhà tuyển dụng, thống kê tin đăng, hiệu suất tuyển dụng, tương tác với ứng viên, tiến độ tuyển dụng và xuất báo cáo. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / III. Phân hệ quản trị sàn giao dịch / 13. Báo cáo nhà tuyển dụng | 0.5 | | 0.0 | | |
| 58 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D34 | Quản trị sàn - Báo cáo doanh thu | Cho phép xem tổng doanh thu, doanh thu theo gói cước, loại dịch vụ, thời gian, nhà tuyển dụng, ngành nghề, tỷ lệ chuyển đổi, khuyến mãi và xuất báo cáo. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / III. Phân hệ quản trị sàn giao dịch / 14. Báo cáo doanh thu | 0.5 | | 0.0 | | |
| 59 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D35 | Quản trị sàn - Báo cáo về cơ sở đào tạo | Cho phép thống kê số lượng cơ sở đào tạo, số lượng khóa học, tình hình người dùng xem thông tin và các báo cáo liên quan. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / III. Phân hệ quản trị sàn giao dịch / 15. Báo cáo về Cơ sở đào tạo | 0.5 | | 0.0 | | |
| 60 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D36 | Quản trị sàn - Quản trị tài khoản | Cho phép quản lý tài khoản NLĐ/DN/quản trị, xem/chỉnh sửa thông tin cá nhân, thiết lập bảo mật, quản lý CV, báo cáo hoạt động tài khoản. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / III. Phân hệ quản trị sàn giao dịch / 16. Quản trị tài khoản | 1.0 | | 0.0 | | |
| 61 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D37 | Quản trị sàn - Quản trị phân quyền hệ thống | Cho phép xem/tạo/chỉnh sửa vai trò, cấp/thu hồi quyền, phân quyền theo chức năng/tính năng và xuất báo cáo phân quyền. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / III. Phân hệ quản trị sàn giao dịch / 17. Quản trị phân quyền hệ thống | 1.0 | | 0.0 | | |
| 62 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D38 | Quản trị sàn - Quản trị phòng họp trực tuyến | Cho phép tạo phòng họp, mời tham gia, điều phối phòng/sảnh chờ, chấp nhận từ chối người dùng, gửi thông báo và các cấu hình họp cần thiết. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / III. Phân hệ quản trị sàn giao dịch / 18. Quản trị phòng họp trực tuyến | 1.0 | | 0.0 | | |
| 63 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D39 | Cơ sở đào tạo - Thông báo | Cho phép cơ sở đào tạo xem danh sách và chi tiết thông báo liên quan đến khóa học, lượt xem và tương tác của người dùng. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / IV. Phân hệ dành cho Cơ sở đào tạo / 1. Thông báo | 0.5 | | 0.0 | | |
| 64 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D40 | Cơ sở đào tạo - Đăng ký, đăng nhập, đăng xuất | Cho phép đăng ký, đăng nhập, đăng xuất; hỗ trợ OTP, SSO, xóa tài khoản và các chức năng liên quan theo yêu cầu KTKT. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / IV. Phân hệ dành cho Cơ sở đào tạo / 2. Đăng ký, đăng nhập, đăng xuất | 0.5 | | 0.0 | | |
| 65 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D41 | Cơ sở đào tạo - Đăng ký gói dịch vụ đăng tin | Cho phép xem, chọn, thay đổi, thanh toán, quản lý và hủy gói cước đăng tin tuyển sinh. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / IV. Phân hệ dành cho Cơ sở đào tạo / 3. Đăng ký gói dịch vụ đăng tin | 1.0 | | 0.0 | | |
| 66 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D42 | Cơ sở đào tạo - Quản lý thông tin cơ sở đào tạo | Cho phép xem, cập nhật, sửa và xóa thông tin cơ sở đào tạo như tên, địa chỉ, liên hệ, logo, giới thiệu. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / IV. Phân hệ dành cho Cơ sở đào tạo / 4. Quản lý thông tin cơ sở đào tạo | 1.0 | | 0.0 | | |
| 67 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D43 | Cơ sở đào tạo - Đăng tin khóa học và chương trình đào tạo | Cho phép đăng tin, tìm kiếm, sửa và xóa các khóa học, chương trình đào tạo, tuyển sinh. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / IV. Phân hệ dành cho Cơ sở đào tạo / 5. Đăng tin khóa học và chương trình đào tạo | 1.0 | | 0.0 | | |
| 68 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D44 | Cơ sở đào tạo - Quản lý danh sách khóa học | Cho phép thêm, sửa, xóa khóa học; cập nhật thông tin khóa học; kiểm tra tình trạng đăng ký; làm rõ mô hình học trên nền tảng hoặc liên kết sang nền tảng khác. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / IV. Phân hệ dành cho Cơ sở đào tạo / 6. Quản lý danh sách khóa học | 1.0 | | 0.0 | | |
| 69 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D45 | Cơ sở đào tạo - Quản lý chứng chỉ và bằng cấp | Cho phép xem danh sách học viên hoàn thành, in chứng chỉ, sửa thông tin, xem/tìm kiếm chứng chỉ đã cấp. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / IV. Phân hệ dành cho Cơ sở đào tạo / 7. Quản lý chứng chỉ và bằng cấp | 1.0 | | 0.0 | | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 70 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D46 | Cơ sở đào tạo - Liên hệ và hỗ trợ người học | Cho phép cung cấp thông tin liên hệ, hỗ trợ người học đăng ký và phản hồi trực tiếp qua chat/email hoặc kênh khác. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / IV. Phân hệ dành cho Cơ sở đào tạo / 8. Liên hệ và hỗ trợ người học | 1.0 | | 0.0 | | |
| 71 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D47 | Cơ sở đào tạo - Quản lý danh sách học viên | Cho phép xem, tìm kiếm và sửa thông tin học viên đăng ký vào các khóa học/chương trình đào tạo. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / IV. Phân hệ dành cho Cơ sở đào tạo / 9. Quản lý danh sách học viên | 1.0 | | 0.0 | | |
| 72 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D48 | Cơ sở đào tạo - Báo cáo, thống kê | Cho phép xem báo cáo doanh thu, số lượng học viên, xuất dữ liệu theo tháng/quý/năm theo biểu mẫu thông tư liên quan. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / IV. Phân hệ dành cho Cơ sở đào tạo / 10. Báo cáo, thống kê | 1.0 | | 0.0 | | |
| 73 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D49 | Quản trị hệ thống - Phòng phỏng vấn trực tuyến | Cho phép tạo nhiều phòng họp, điều phối người dùng, chat trong cuộc họp, tạo server riêng, cấu hình ghi hình, âm thanh, phụ đề, chia sẻ màn hình, bảo mật, lịch họp, whiteboard và thống kê người tham gia. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / V. Quản trị hệ thống / 1. Phòng phỏng vấn trực tuyến | 1.0 | | 0.0 | | |
| 74 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D50 | Quản trị hệ thống - Quản trị hệ thống | Cho phép sao lưu, khôi phục dữ liệu; xem/tìm kiếm/sắp xếp danh sách dữ liệu đã xóa hoặc sao lưu; theo dõi người thực hiện và thời điểm thực hiện. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / V. Quản trị hệ thống / 2. Quản trị hệ thống | 1.0 | | 0.0 | | |
| 75 | **D. Đáp ứng chức năng nghiệp vụ và chức năng hệ thống** | D51 | Quản trị hệ thống - API đồng bộ dữ liệu Cổng thông tin Việc làm | Cho phép hệ thống truy cập và đồng bộ dữ liệu NLĐ, nhà tuyển dụng, việc làm, khóa học, tìm kiếm và lọc dữ liệu qua API. | Danh sách các yêu cầu của người dùng / V. Quản trị hệ thống / 3. API đồng bộ dữ liệu Cổng thông tin Việc làm | 1.0 | | 0.0 | | |
| 76 | **E. Quản trị, quy trình nghiệp vụ, báo cáo thống kê** | E1 | Tin học hóa quy trình NLĐ | Phản ánh đầy đủ quy trình từ tạo hồ sơ, duyệt hồ sơ, ứng tuyển đến phỏng vấn/kết quả. | Các quy trình nghiệp vụ cần được tin học hóa > Quy trình tìm việc của Người lao động; Quy trình tuyển dụng | 1.5 | | 0.0 | | |
| 77 | **E. Quản trị, quy trình nghiệp vụ, báo cáo thống kê** | E2 | Tin học hóa quy trình nhà tuyển dụng | Phản ánh quy trình đăng ký tuyển, duyệt tin, quản lý tuyển dụng. | Các quy trình nghiệp vụ cần được tin học hóa > Quy trình đăng ký tuyển của nhà tuyển dụng; Quy trình tuyển dụng | 1.0 | | 0.0 | | |
| 78 | **E. Quản trị, quy trình nghiệp vụ, báo cáo thống kê** | E3 | Tin học hóa quy trình cơ sở đào tạo | Phản ánh quy trình đăng ký tuyển sinh, duyệt hồ sơ, gợi ý khóa học, đăng ký học. | Các quy trình nghiệp vụ cần được tin học hóa > Quy trình đăng ký tuyển sinh của Cơ sở đào tạo | 1.0 | | 0.0 | | |
| 79 | **E. Quản trị, quy trình nghiệp vụ, báo cáo thống kê** | E4 | Quản trị người dùng và phân quyền | Có quản trị tài khoản, vai trò, cấp/thu hồi quyền, quản lý quyền truy cập chức năng. | Danh sách các yêu cầu của người dùng > III.16. Quản trị tài khoản; III.17. Quản trị phân quyền hệ thống | 1.5 | | 0.0 | | |
| 80 | **E. Quản trị, quy trình nghiệp vụ, báo cáo thống kê** | E5 | Quản trị CV/ứng viên/nhà tuyển dụng | Có duyệt CV, cài thời hạn tìm việc, quản trị người lao động/nhà tuyển dụng chi tiết. | Danh sách các yêu cầu của người dùng > III.2; III.3; III.4 | 1.5 | | 0.0 | | |
| 81 | **E. Quản trị, quy trình nghiệp vụ, báo cáo thống kê** | E6 | Quản lý lịch hẹn, phòng họp, phiên GDVL khu vực | Có tạo nhiều phòng, điều phối, phòng chờ, mời/loại người dùng, thống kê lượt kết nối. | Danh sách các yêu cầu của người dùng > III.5; III.6; III.7; III.18 | 1.5 | | 0.0 | | |
| 82 | **E. Quản trị, quy trình nghiệp vụ, báo cáo thống kê** | E7 | Báo cáo biểu mẫu theo Nghị định/Thông tư | Có lập và xuất các mẫu 01, 01a, 02, 03, 03a; mẫu theo TT 11/2022; giấy giới thiệu theo TT 15/2023. | Quy mô đầu tư > các mẫu báo cáo; Danh sách các yêu cầu của người dùng > III.10 | 1.5 | | 0.0 | | |
| 83 | **E. Quản trị, quy trình nghiệp vụ, báo cáo thống kê** | E8 | Dashboard, phân tích và dự báo nhân lực | Có thống kê, dashboard, biểu đồ trực quan, phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực. | Quy mô đầu tư > Thống kê, tổng hợp; Xây dựng báo cáo phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực | 0.5 | | 0.0 | | |
| 84 | **F. Mobile App, API và tích hợp** | F1 | Đầy đủ phân hệ Mobile cho NLĐ | Có thông báo, tài khoản, tin đã ứng tuyển, trang chủ, nhà tuyển dụng, quản lý CV, phỏng vấn online, cơ sở đào tạo, quản lý tài khoản. | PHÂN HỆ DÀNH CHO MOBILE APP > I. Phân hệ người lao động | 1.5 | | 0.0 | | |
| 85 | **F. Mobile App, API và tích hợp** | F2 | Đầy đủ phân hệ Mobile cho nhà tuyển dụng | Có tài khoản, gói dịch vụ, trang chủ, đăng tin, quản lý tin, ứng viên, lịch phỏng vấn, phỏng vấn, báo cáo. | PHÂN HỆ DÀNH CHO MOBILE APP > II. Phân hệ dành cho Nhà tuyển dụng | 1.5 | | 0.0 | | |
| 86 | **F. Mobile App, API và tích hợp** | F3 | Đầy đủ phân hệ Mobile cho cơ sở đào tạo | Có tài khoản, đăng tin khóa học, quản lý khóa học, chứng chỉ, học viên, báo cáo. | PHÂN HỆ DÀNH CHO MOBILE APP > III. Phân hệ dành cho Cơ sở đào tạo | 1.5 | | 0.0 | | |
| 87 | **F. Mobile App, API và tích hợp** | F4 | API đồng bộ dữ liệu | Có API lấy thông tin NLĐ, DN, việc làm, lao động, khóa học theo điều kiện và từ khóa. | Danh sách các yêu cầu của người dùng > V.3. API đồng bộ dữ liệu Cổng thông tin Việc làm | 1.0 | | 0.0 | | |
| 88 | **F. Mobile App, API và tích hợp** | F5 | Tích hợp Can Tho Smart và kết nối ứng dụng | Có kiến trúc tích hợp ứng dụng, API và cơ chế cập nhật dữ liệu. | Yêu cầu tích hợp vào ứng dụng Can Tho Smart; Mô hình triển khai | 1.0 | | 0.0 | | |
| 89 | **G. Hiệu năng, hạ tầng và yêu cầu phi chức năng** | G1 | Đáp ứng thời gian phản hồi | Phải cam kết thời gian phản hồi trung bình/chậm nhất theo BC KTKT. | Yêu cầu tính năng kỹ thuật của Sàn giao dịch > Tiêu chí hiệu năng của Sàn giao dịch | 1.0 | | 0.0 | | |
| I | **G. Hiệu năng, hạ tầng và yêu cầu phi chức năng** | G2 | Đáp ứng 500 truy cập đồng thời | Phải nêu rõ năng lực chịu tải tối thiểu theo yêu cầu. | Yêu cầu tính năng kỹ thuật của Sàn giao dịch > Tiêu chí hiệu năng của Sàn giao dịch | 0.5 | | 0.0 | | |
| 91 | **G. Hiệu năng, hạ tầng và yêu cầu phi chức năng** | G3 | 24/7 và mô hình web-based | Hệ thống hoạt động liên tục, truy cập web và mobile. | Yêu cầu về cài đặt, hạ tầng, đường truyền, an toàn vận hành, khai thác sử dụng | 1.0 | | 0.0 | | |
| 92 | **G. Hiệu năng, hạ tầng và yêu cầu phi chức năng** | G4 | Khả dụng với IPv6 | Có giải pháp bảo đảm đường truyền, DNS, webserver hỗ trợ IPv6. | Yêu cầu về tính sẵn sàng với IPv6... | 1.0 | | 0.0 | | |
| 93 | **G. Hiệu năng, hạ tầng và yêu cầu phi chức năng** | G5 | Tương thích trình duyệt, Unicode, định dạng ngày/giờ | Phù hợp Chrome/Edge/Firefox/Cốc Cốc, Unicode, định dạng hiển thị, XML/JSON đầu ra. | Yêu cầu tính năng kỹ thuật của Sàn giao dịch > Tiêu chí khác đối với Sàn giao dịch | 0.5 | | 0.0 | | |
| 94 | **G. Hiệu năng, hạ tầng và yêu cầu phi chức năng** | G6 | Chống spam/CAPTCHA và kiểm soát truy cập đồng thời cùng tài khoản | Có cơ chế chống gửi rác và kiểm soát đăng nhập cùng tài khoản nhiều thiết bị. | Yêu cầu tính năng kỹ thuật của Sàn giao dịch > Tiêu chí khác đối với Sàn giao dịch | 0.5 | | 0.0 | | |
| 95 | **G. Hiệu năng, hạ tầng và yêu cầu phi chức năng** | G7 | Kiểm tra hợp lệ dữ liệu nhập và logic ràng buộc | Có kiểm tra định dạng, logic, dữ liệu bắt buộc, nhất quán, hỗ trợ nhập bằng bàn phím, danh sách chọn. | Các yêu cầu phi chức năng khác > Các yêu cầu về ràng buộc xử lý lôgic... | 1.0 | | 0.0 | | |
| 96 | **H. An toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu** | H1 | Mật khẩu, xác thực và lưu trữ thông tin xác thực | Có chính sách mật khẩu đủ độ phức tạp, mã hóa thông tin xác thực. | Yêu cầu về an toàn thông tin > An toàn ứng dụng | 0.5 | | 0.0 | | |
| 97 | **H. An toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu** | H2 | Nhật ký truy cập và giám sát | Có ghi log truy cập, lỗi, lưu vết đầy đủ hoạt động trên hệ thống. | Yêu cầu về an toàn thông tin > An toàn ứng dụng | 0.5 | | 0.0 | | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 98 | **H. An toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu** | H3 | Sao lưu và phục hồi dữ liệu | Có phương án sao lưu độc lập, định kỳ, khôi phục dữ liệu. | Yêu cầu về an toàn thông tin > An toàn dữ liệu; Yêu cầu cần đáp ứng đối với cơ sở dữ liệu | 1.0 | | 0.0 | | |
| 99 | **H. An toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu** | H4 | Bảo mật truyền thông và máy chủ | Có HTTPS/TLS, SSH, chứng thực máy chủ và các chuẩn ATTT tương ứng. | THIẾT KẾ CHI TIẾT > Tiêu chuẩn về an toàn thông tin; Yêu cầu về an toàn thông tin | 1.0 | | 0.0 | | |
| 100 | **H. An toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu** | H5 | Mã hóa dữ liệu và phân quyền truy cập | Toàn bộ dữ liệu quản lý phải được lưu trong CSDL/thư mục, mã hóa và phân quyền chặt chẽ. | Yêu cầu về an toàn thông tin | 1.0 | | 0.0 | | |
| 101 | **H. An toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu** | H6 | Bảo mật nhiều lớp | Có thiết kế tối thiểu 3 mức bảo mật: hệ thống, cơ sở dữ liệu, ứng dụng. | Yêu cầu về an toàn thông tin | 1.0 | | 0.0 | | |
| 102 | **H. An toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu** | H7 | ATTT cho AI và dữ liệu cá nhân | Đề xuất nêu cơ chế giới hạn dữ liệu dùng cho AI, bảo vệ dữ liệu cá nhân, không lộ lọt dữ liệu qua GenAI. | Quy mô đầu tư > AI/GenAI; Các yêu cầu phi chức năng; Yêu cầu về an toàn thông tin | 1.0 | | 0.0 | | |
| 103 | **I. Kế hoạch triển khai, đào tạo, chuyển giao, bảo hành, nhân sự** | I1 | Kế hoạch triển khai và phân kỳ thực hiện | Có kế hoạch triển khai rõ giai đoạn khảo sát, phân tích, phát triển, kiểm thử, đào tạo, nghiệm thu | TÓM TẮT NHIỆM VỤ THIẾT KẾ / Nhiệm vụ thiết kế | 1.0 | | 0.0 | | |
| 104 | **I. Kế hoạch triển khai, đào tạo, chuyển giao, bảo hành, nhân sự** | I2 | Kế hoạch đào tạo và chuyển giao | Đề xuất chương trình đào tạo cho quản trị viên, cán bộ phụ trách sàn, tài liệu hướng dẫn, hỗ trợ sau đào tạo | MỤC TIÊU, NỘI DUNG, QUY MÔ ĐẦU TƯ / Đào tạo sử dụng hệ thống | 0.5 | | 0.0 | | |
| 105 | **I. Kế hoạch triển khai, đào tạo, chuyển giao, bảo hành, nhân sự** | I3 | Kế hoạch bảo hành, hỗ trợ vận hành | Nêu rõ thời gian bảo hành, SLA hỗ trợ, khắc phục sự cố, cập nhật phiên bản | TÓM TẮT NHIỆM VỤ THIẾT KẾ / Xây dựng kế hoạch chuyển giao đào tạo, ứng dụng và bảo hành | 0.5 | | 0.0 | | |
| 106 | **I. Kế hoạch triển khai, đào tạo, chuyển giao, bảo hành, nhân sự** | I4 | Quản lý rủi ro triển khai | Có nhận diện rủi ro về dữ liệu, tích hợp, tiến độ, ATTT và biện pháp giảm thiểu | TÓM TẮT NHIỆM VỤ THIẾT KẾ / Nhiệm vụ thiết kế | 1.0 | | 0.0 | | |
| 107 | **I. Kế hoạch triển khai, đào tạo, chuyển giao, bảo hành, nhân sự** | I5 | Nhân sự quản lý dự án | Có PM chuyên trách; kinh nghiệm quản lý dự án CNTT công/quy mô tương đương; vai trò, thời gian tham gia rõ | TÓM TẮT NHIỆM VỤ THIẾT KẾ / Các đơn vị tham gia vận hành, khai thác hệ thống | 1.5 | | 0.0 | | |
| 108 | **I. Kế hoạch triển khai, đào tạo, chuyển giao, bảo hành, nhân sự** | I6 | Nhân sự kiến trúc sư giải pháp | Có Solution Architect/Technical Lead; kinh nghiệm thiết kế kiến trúc web/mobile/API/CSDL; năng lực ra quyết định kỹ thuật | PHẦN II. THIẾT KẾ CHI TIẾT / Nhiệm vụ thiết kế | 1.5 | | 0.0 | | |
| 109 | **I. Kế hoạch triển khai, đào tạo, chuyển giao, bảo hành, nhân sự** | I7 | Nhân sự phân tích nghiệp vụ | Có BA hiểu nghiệp vụ việc làm, tuyển dụng, báo cáo thống kê; khả năng đặc tả use case, quy trình, biểu mẫu | Các quy trình nghiệp vụ cần được tin học hóa / Danh sách các yêu cầu của người dùng | 1.0 | | 0.0 | | |
| 110 | **I. Kế hoạch triển khai, đào tạo, chuyển giao, bảo hành, nhân sự** | I8 | Nhân sự phát triển backend/web | Có lập trình viên backend/web phù hợp stack đề xuất; phân công nhân sự rõ cho web portal, API, tích hợp | PHÂN TÍCH, LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ | 1.0 | | 0.0 | | |
| 111 | **I. Kế hoạch triển khai, đào tạo, chuyển giao, bảo hành, nhân sự** | I9 | Nhân sự phát triển mobile | Có lập trình viên mobile phù hợp công nghệ mobile được chọn; kinh nghiệm triển khai app sản xuất | PHÂN HỆ DÀNH CHO MOBILE APP / PHÂN TÍCH, LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN... | 1.0 | | 0.0 | | |
| 112 | **I. Kế hoạch triển khai, đào tạo, chuyển giao, bảo hành, nhân sự** | I10 | Nhân sự kiểm thử chất lượng | Có QA/QC hoặc tester; có kế hoạch test chức năng, hiệu năng, ATTT, UAT | Yêu cầu về đáp ứng về thời gian xử lý... / Yêu cầu tính năng kỹ thuật của Sàn giao dịch | 1.0 | | 0.0 | | |